

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục bổ sung, điều chỉnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-BXD ngày 26/5/2025 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3835/TTr-SXD ngày 03 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung, điều chỉnh 24 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cập nhật, xây dựng quy trình điện tử, biểu mẫu tương tác các dịch vụ công trực tuyến lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả; phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tái cấu trúc quy trình điện tử để phù hợp với yêu cầu dịch vụ công trực tuyến.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
DANH MỤC BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
VÀ MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên Thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Cấp thực hiện	Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần	Yêu cầu trực tuyến và tái cấu trúc quy trình	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc					
1.	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008993.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
2.	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam (1.008992.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
3.	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008991.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình

4.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề (1.008990.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; Bản gốc chứng chỉ, ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
5.	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc). (1.008989.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
6.	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008891.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; ảnh gửi qua bưu chính; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
II	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng					
7.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp) (1.011710.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
III	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy					
8.	Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm (1.002771.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	

9.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (1.003930.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
10.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.003970.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
11.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (1.004002.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
12.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (2.001711.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
13.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (1.004036.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
14.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (1.004047.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
15.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (1.004088.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần

16.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu trường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (1.006391.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
17.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (1.009442.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
18.	Công bố chuyển bên thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa (1.009446.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
19.	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (1.009464.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
IV	Lĩnh vực Đường bộ					
20.	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc (1.013276.H56)	Cấp tỉnh	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
21.	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác (1.000314.H56)	Cấp tỉnh Cấp huyện Cấp xã	x		Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Một phần nâng lên toàn trình
22.	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (1.000028.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần

V	Lĩnh vực Đường sắt					
23.	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt (1.005134.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần
24.	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang (1.005126.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh		x	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến và trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính	Đưa xuống một phần